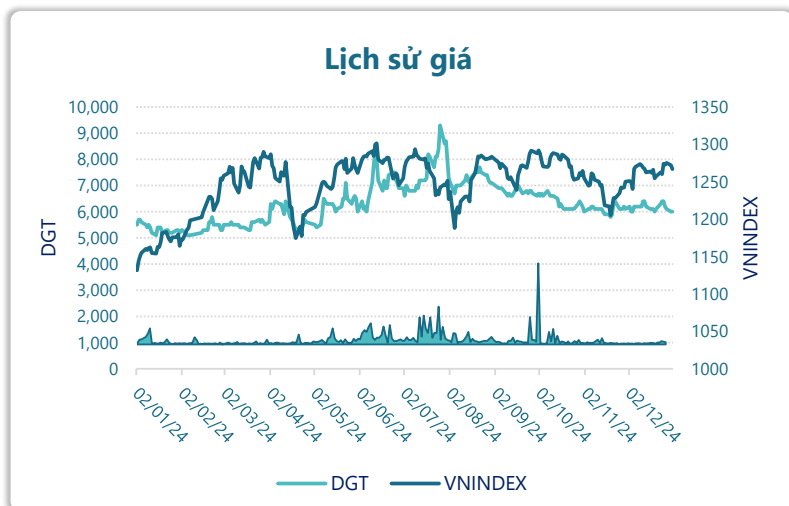


CTCP Công trình giao thông Đồng Nai (UPCOM: DGT)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	6,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,100
SL cổ phiếu LH	79,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	582,690
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	474
P/E	164.3
EPS	37

DT thuần
Q4/24

52.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.40| -15.3%

YoY: ▼7.40| -12.4%

LN sau thuế
Q4/24

-1.78

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.12| -233%

YoY: ▼33.0| -106%

Tỷ suất lãi EBIT
2024

10.7%

+/- YoY: ▼ 36.5%

DT thuần
2024

270

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 55.0| 25.8%

LN sau thuế
2024

3.22

tỷ VNĐ

YoY: ▼85.2| -96.4%

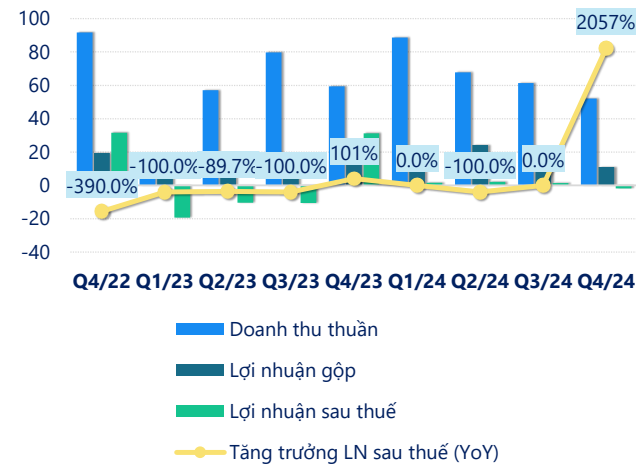
ROE
2024

0.3%

+/- YoY: ▼ 9.1%

tỷ VNĐ

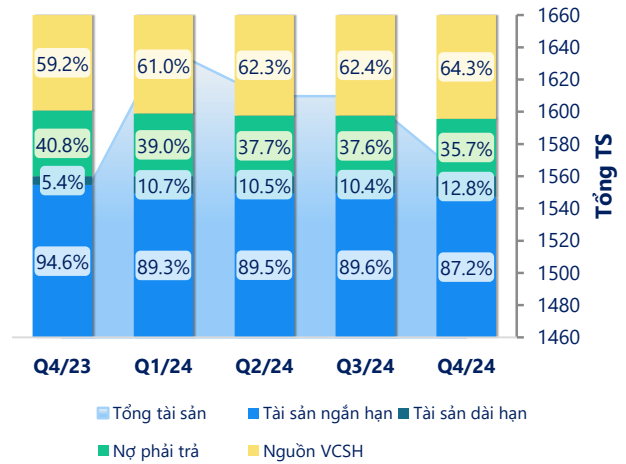
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

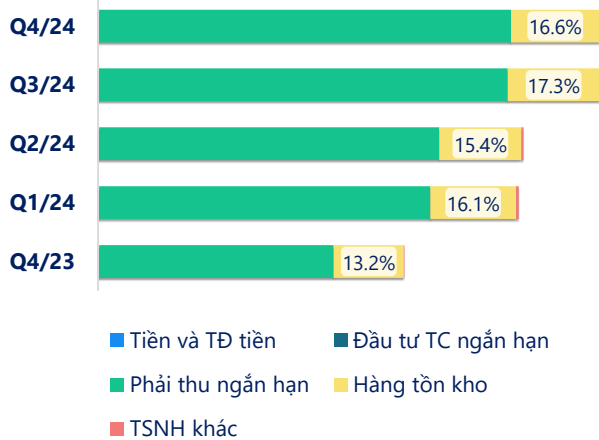
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



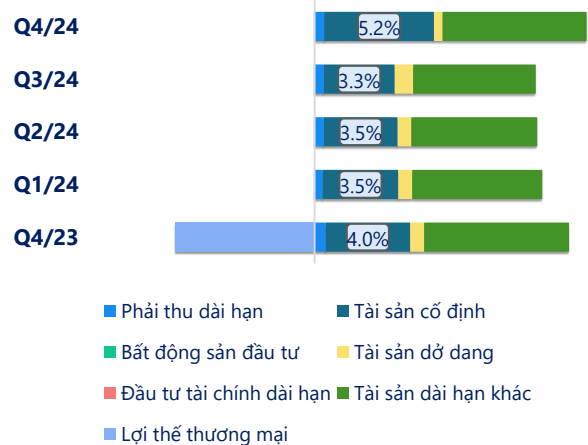
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

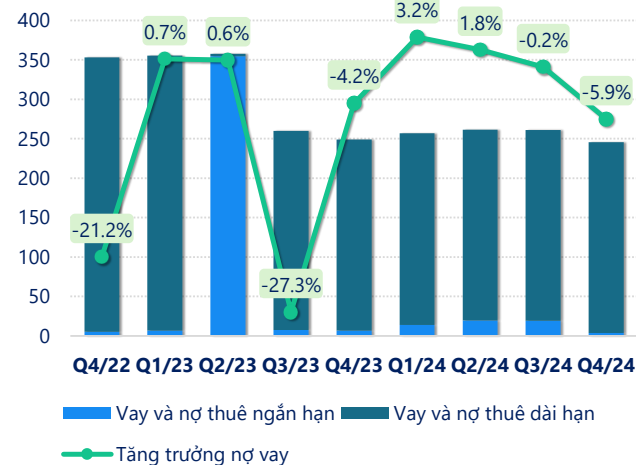
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

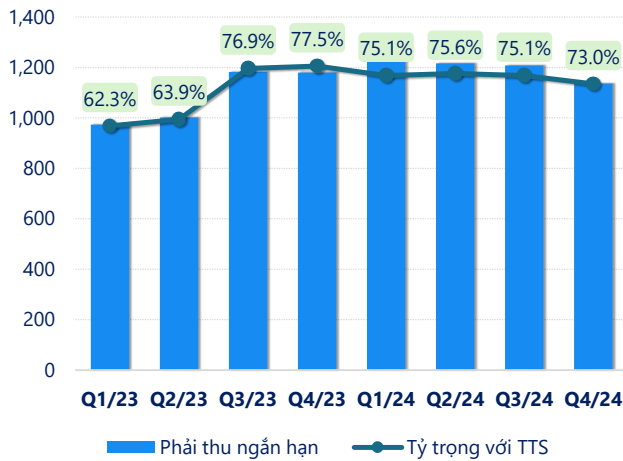
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

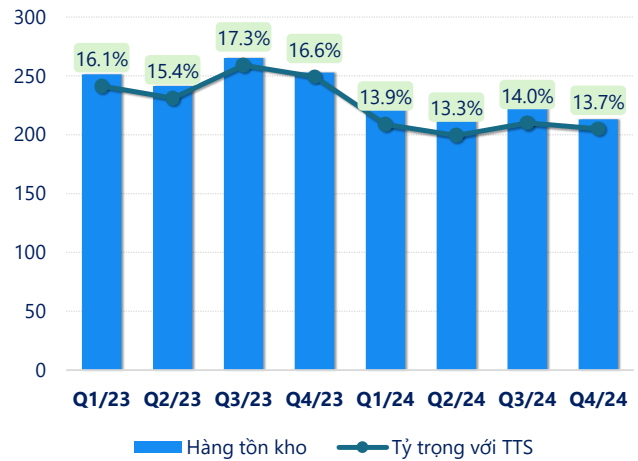
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

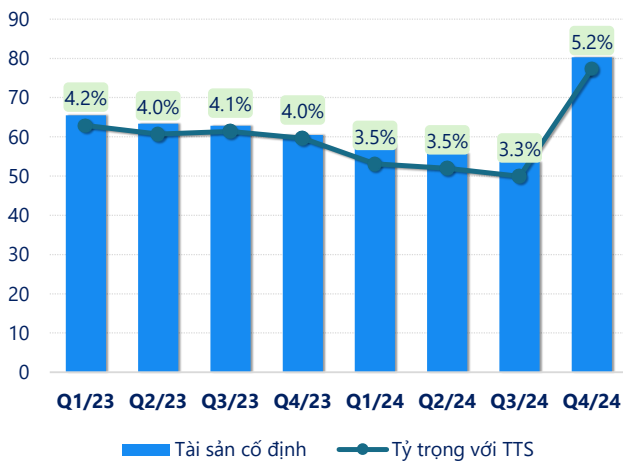
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

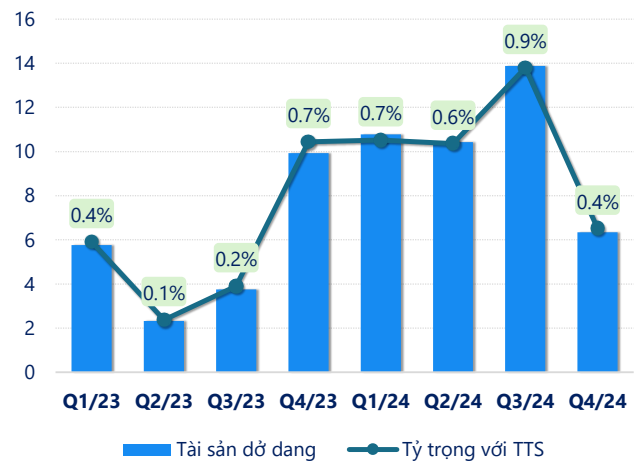
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

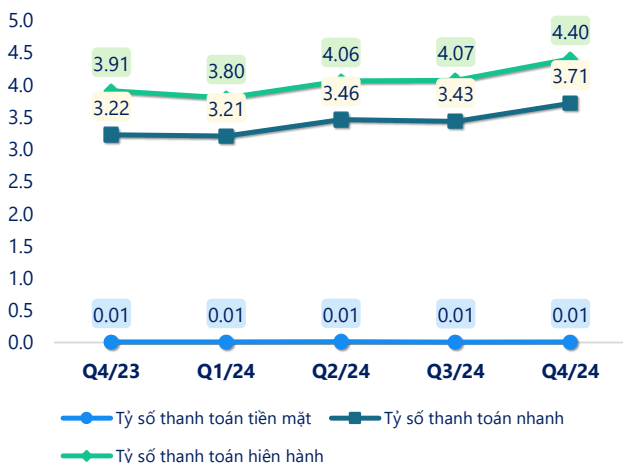
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



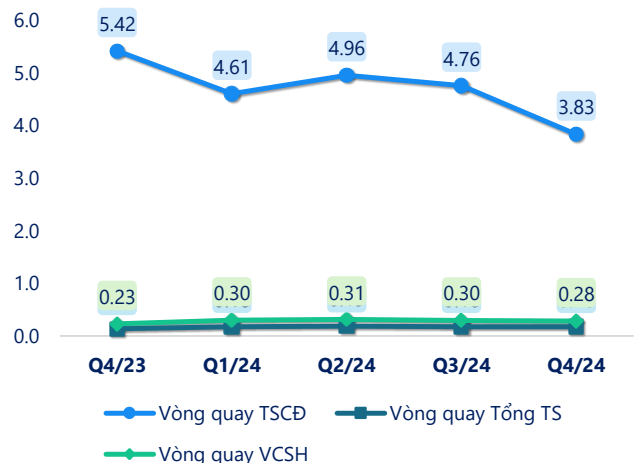
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	1,522	1,640	1,610	1,610	1,558
Tài sản ngắn hạn	1,439	1,465	1,441	1,442	1,359
Tiền và tương đương tiền	4.01	3.78	4.32	2.13	2.70
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,179	1,231	1,217	1,209	1,137
Hàng tồn kho	253	228	214	225	213
Tài sản ngắn hạn khác	3.07	1.38	6.29	6.04	6.30
Tài sản dài hạn	82.4	175	168	167	199
Phải thu dài hạn	7.83	6.27	6.94	6.94	7.02
Tài sản cố định	60.5	58.1	55.8	53.6	80.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	9.93	10.8	10.4	13.9	6.34
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	104	100	95.2	93.0	106
Lợi thế thương mại	-99.6	0	0	0	0
Nợ phải trả	621	639	607	606	556
Nợ ngắn hạn	368	386	355	354	309
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6.93	14.0	19.7	19.1	3.66
Phải trả người bán ngắn hạn	195	202	159	162	135
Nợ dài hạn	253	253	252	251	247
Vay và nợ thuê dài hạn	242	243	242	242	242
Nguồn vốn chủ sở hữu	901	1,001	1,003	1,004	1,002
Vốn chủ sở hữu	901	1,001	1,003	1,004	1,002
Vốn điều lệ	790	790	790	790	790
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)